

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 04/3/2022

V/v: Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH HÀ TĨNH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Thành Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Bá Sơn và ông Nguyễn Văn Hữu

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Danh Dũng, Thư ký Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Thuý Linh, Kiểm sát viên.

Vào lúc 14 giờ 15 phút, ngày 04 tháng 3 năm 2022, tại hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 63/2021/TLST- HNGĐ, ngày 08 tháng 10 năm 2021 về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự;

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1988; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Có mặt)

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Nghề nghiệp: Lao động tự do. (Vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án cũng như tại phiên toà, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 15/10/2012 tại UBND xã T nay là xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi kết hôn vợ chồng về sống chung tại Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, chị T thay đổi tính nết, tự ý chuyển ra ngoài sinh sống; anh T nhiều lần khuyên bảo, níu kéo nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng đã ly thân lâu, anh T không còn tình cảm nên đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày: 01/4/2013 và Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày: 03/11/2015. Hiện nay hai con chung đang được anh T chăm sóc nuôi dưỡng, ly hôn anh T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và quá trình hòa giải tại Tòa án bị đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:*

- Về điều kiện, thời điểm kết hôn như anh Nguyễn Văn T trình bày là đúng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống chung tại Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh hòa thuận được 07 năm. Năm 2018 thì vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh T nhiều lần đánh đập và đuổi chị T ra khỏi nhà nên chị T đưa hai con về nhà bố mẹ đẻ sinh sống; sau đó anh T lại tranh giành việc nuôi con và đưa hai con về nhà anh T. Vợ chồng đã ly thân gần được 5 năm, chị T cũng không còn tình cảm với anh T nên cũng đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày: 01/4/2013 và Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày: 03/11/2015. Nếu vợ chồng ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cả hai con chung, trong trường hợp không được nuôi cả hai con thì chị đề nghị được nuôi con chung Nguyễn Văn N, giao cho anh T nuôi con Nguyễn Thị Minh P. Vợ chồng không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau. Về điều kiện nuôi con chị T trình bày bản thân làm nghề tự do, thu nhập mỗi tháng 4.000.000 đồng nên đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng con chung phát triển tốt.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Kết quả xác minh tại gia đình chị T, được ông Nguyễn Văn Lâm và bà Lê Thị Diệu (bố mẹ đẻ chị Nguyễn Thị T) cho biết: Mâu thuẫn giữa vợ chồng Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T xảy ra cũng đã lâu, việc ly hôn là quyền của hai vợ chồng. Hiện tại chị T đang sống chung cùng bố mẹ đẻ, chị T làm nghề lao động tự do, có khả năng chăm sóc nuôi dưỡng con tốt. Trường hợp vợ chồng ly hôn Tòa án giao con chung cho chị T nuôi dưỡng thì ông bà cam kết sẽ hỗ trợ cho Tú trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

* Kết quả xác minh tại UBND xã L, huyện T được đại diện chính quyền địa phương cho biết: anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn, sống chung một thời gian nhưng sau đó vợ chồng đã ly thân nhau. Chính quyền địa phương mong muốn hai bên vợ chồng đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình. Trường hợp không thể đoàn tụ thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

** Quan điểm của Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa:*

- Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý cho đến tại phiên tòa hôm nay: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định tại các Điều 28, 35, 39, 48, 49, 51, 196 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền, trình tự thủ tục tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn, đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS; cung cấp đầy đủ kịp thời các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 24, điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí tòa án xử:

+ Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Văn N, sinh ngày 01/4/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao con chung Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày: 03/11/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Các đương sự có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản cản trở.

+ Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản nên miễn xét.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

+ Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn, nuôi con chung; Bị đơn chị Nguyễn Thị T có cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh nên việc Tòa án nhân dân huyện T thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn đã có bản tự khai trình bày rõ ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tham gia tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên đủ căn cứ xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 BLTTDS.

[2] *Về nội dung*:

[2.1] *Về quan hệ tình cảm*: Anh Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc, đảm bảo điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, do đó có đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Hiện tại, cả hai vợ chồng đều thừa nhận mâu thuẫn phát sinh đã lâu và đã sống ly thân hơn 5 năm, hai người không còn tình cảm với nhau và đều có nguyện vọng được ly hôn để tạo lập cuộc sống mới. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án cũng đã tổ chức hòa giải nhiều lần, tạo điều kiện cho hai người hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng không có kết quả. Xét thấy, thực tế mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị T đã đến mức trầm trọng, không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, không đảm bảo được mục đích hôn nhân, nên đủ căn cứ giải quyết cho anh T và chị T được ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[2.2] *Về quan hệ con chung*: Vợ chồng có 02 con chung, con trai tên là Nguyễn Văn N, sinh ngày: 01/4/2013 và con gái là Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày: 03/11/2015. Từ khi vợ chồng ly thân đến nay, hai cháu chủ yếu sống cùng anh Nguyễn Văn T. Trong quá trình giải quyết ly hôn và tại phiên tòa hôm nay anh Nguyễn Văn T có nguyện vọng được nuôi cả hai con vì anh T cho rằng chị T không có nghề nghiệp ổn định, không có kỹ năng nuôi dạy con cái; bản thân hai cháu cũng đã sống với anh nhiều năm và phát triển tốt cả thể chất lẫn tinh thần. Đối với chị Nguyễn Thị T tại buổi hòa giải lần thứ nhất chị đồng ý giao cả hai con cho anh T nuôi dưỡng nhưng sau đó chị thay đổi ý kiến yêu cầu được cả hai con, trong trường hợp không được nuôi hai con thì chị T yêu cầu được nuôi cháu

Nguyễn Thị Minh P. HĐXX xét thấy yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là nguyện vọng chính đáng thể hiện tình cảm trách nhiệm của cả hai vợ chồng đối với con cái nên cần được xem xét cân nhắc để đảm bảo quyền được nuôi con của mỗi bên. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay anh T có nguyện vọng tha thiết được nuôi cả hai con nhưng xét thấy rằng cả anh T, chị T đều làm công việc tự do, có nhận thức, khả năng lao động để tạo ra thu nhập đảm bảo việc nuôi con. Do đó, để đảm bảo quyền chăm sóc nuôi dưỡng con chung của vợ chồng được pháp luật hôn nhân gia đình ghi nhận nên cần xem xét giao cho mỗi người trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng một con như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp; quá trình thực hiện nghĩa vụ chăm sóc nuôi dưỡng con chung nếu chị T không làm tròn nghĩa vụ thì anh T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật. Xét thấy bản thân cháu Nhã là con trai, lớn tuổi hơn và có nguyện vọng được ở với bố nên cần giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng; cháu Phương là con gái đang còn nhỏ tuổi, tâm sinh lý phát triển chưa đầy đủ nên rất cần sự chăm sóc của người mẹ nên giao cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

[2.3] *Về tài sản chung*: Hai đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[3] *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 207, Điều 227, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. *Về trách nhiệm nuôi con chung*: Giao con chung Nguyễn Văn N, sinh ngày: 01/4/2013 cho anh Nguyễn Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giao con chung Nguyễn Thị Minh P, sinh ngày: 03/11/2015 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và được quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản hay cản trở.

3. *Về án phí*: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T đã nộp số tiền 150.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0009753, ngày 08/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hà Tĩnh. Anh Nguyễn Văn T còn phải nộp tiếp số tiền 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tại chi Cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Hà Tĩnh.

4. *Về quyền kháng cáo:* Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã L, huyện T, tỉnh Hà Tĩnh (để xóa đăng ký);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Nhân